

Bản án số: 144/2017/HSST
Ngày: 15/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- + *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bắc
- + *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Tòng và ông Hồ Văn Dũng
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trịnh Huy Thuận - Thư ký TAND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
- *Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia tham gia phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Trung - Kiểm sát viên

Ngày 15/11/2017, tại hội trường Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 136/2017/HSST ngày 27/9/2017.

* Đối với bị cáo: **Phạm Thị L** – Sinh năm: 1993; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Phạm Văn L (Đã chết) và bà Lê Thị T - Sinh năm 1971; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Thị L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 23h05ph ngày 29/6/2017, Tổ công tác của Đội cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an huyện Tĩnh Gia đang làm nhiệm vụ tại thôn Đ, xã N, huyện T thì nhìn thấy Phạm Thị L ở khu vực khách sạn H (thuộc địa phận thôn Đ). Do nghi vấn L có hành vi vi phạm pháp luật nên tổ công tác đã kiểm tra và phát hiện trong người của L có 05 túi ni lông màu trắng có viền màu xanh, kích thước (1,5 X 1,5) cm, 01 túi có viền màu xanh và 01 túi có viền màu trắng, bên trong hai túi có chứa các hạt tinh thể màu trắng nghi là ma túy. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ của L toàn bộ số vật chứng trên.

Tại bản cáo trạng số 141/CT-VKS ngày 26/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia đã truy tố Phạm Thị L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của BLHS.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 BLHS năm 1999; Khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 BLHS năm 1999. Điểm a khoản 4 điều 1 nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 và điểm h khoản 2 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của quốc hội khóa 14; Khoản 3 điều 7 và khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Điểm a, c khoản 2 điều 76 và điều 99 BLTTHS. Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử phạt: Phạm Thị L từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Tịch thu tiêu hủy 4,933g các hạt tinh thể màu trắng có Methamphetamine (sau khi trích mẫu đi giám định hàm lượng chất ma túy) và 05 túi ni lông màu trắng có viền màu xanh, kích thước (1,5 X 1,5) cm. Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí HSST.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận: Khoảng 23h05ph ngày 29/6/2017, tại khu vực khách sạn H thuộc thôn Đ, xã N, huyện T, Phạm Thị L đã bị Tổ công tác của Đội cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an huyện Tĩnh Gia phát hiện bắt quả tang có hành vi tàng trữ hai gói nilon màu trắng chứa các hạt tinh thể màu trắng.

Tại bản kết luận giám định số 1602/MT-PC54 ngày 02/7/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Các hạt tinh thể màu trắng trong hai túi ni lông màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định tổng trọng lượng là 5,861g (Năm phẩy tám sáu một gam) có Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 2156/MT-PC54 ngày 02/7/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Mẫu gửi giám định có hàm lượng Methamphetamine là 52,94% (Năm mươi hai phẩy chín mươi bốn phần trăm).

Trọng lượng Methamphetamine trong mẫu vật thu giữ của Phạm Thị L là: $5,861g \times 52,94\% = 3,103g$.

Lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận Phạm Thị L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS.

Xét tính chất mức độ hành vi và hậu quả thấy rằng: Hiện nay trên địa bàn huyện T, tình trạng mua bán, tàng trữ và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đang diễn ra khá phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, vi phạm chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của nhà nước, làm gia tăng tệ nạn nghiện ma túy và cũng làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Hành vi của bị cáo đã làm cho nhân dân trên địa bàn hoang mang, lo sợ. Vì vậy, cần phải tuyên cho bị cáo một hình phạt thật nghiêm và cần thiết

phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân: Tiền án, tiền sự: không. Sau khi bị bắt và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó có đủ cơ sở để áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, lượng giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được tính khoan hồng của Pháp luật.

Theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 1 nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 và điểm h khoản 2 điều 2 nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của quốc hội khóa 14; Khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Để áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội.

Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại: Khoản 1 điều 194 BLHS năm 1999 quy định mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù.

Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại: Khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 quy định mức hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

Do đó cần phải áp dụng khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 để xử phạt đối với Phạm Thị Liền là hoàn toàn chính xác.

Đối với người phụ nữ tên D ở Thành phố T mà L khai đã bán ma túy cho L. Quá trình điều tra không xác định được tên tuổi người này, cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau.

Xét về phân hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét về vật chứng:

- Đối với 4,933g các hạt tinh thể màu trắng có thành phần Methamphetamine (sau khi trích mẫu đi giám định hàm lượng ma túy) là vật thu giữ của bị cáo và đang thu giữ tại kho thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia theo phiếu nhập kho số NK2018/09 ngày 20/10/2017. Đây là vật nhà nước cấm lưu hành. Do đó cần phải áp dụng điểm c khoản 1 điều 41 BLHS, điểm a khoản 2 điều 76 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 05 túi ni lông màu trắng có viên màu xanh, kích thước (1,5 X 1,5) cm, là vật thu giữ của bị cáo và đang thu giữ tại kho thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia theo phiếu nhập kho số NK2017/112 ngày 29/9/2017. Đây là vật liên quan đến việc bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó cần phải áp dụng điểm c khoản 1 điều 41 BLHS, điểm a khoản 2 điều 76 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy.

Xét về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 99 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Phạm Thị L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 BLHS năm 1999. Điểm a khoản 4 điều 1 nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 và điểm h khoản 2 điều 2 nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của quốc hội khóa 14; Khoản 3 điều 7 và khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Phạm Thị L 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 29/6/2017.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 41 BLHS, điểm a khoản 2 điều 76 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 4,933g các hạt tinh thể màu trắng có thành phần Methamphetamine đang bị thu giữ tại Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia theo phiếu nhập kho số NK2018/09 ngày 20/10/2017 và tịch thu tiêu hủy 05 túi ni lông màu trắng có viền màu xanh, kích thước (1,5 X 1,5) cm, là vật thu giữ của bị cáo và đang thu giữ tại kho thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia theo phiếu nhập kho số NK2017/112 ngày 29/9/2017.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc Phạm Thị L phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- Lưu: HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bắc